

Bản án số: 1137/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Ngọc Trang
- Bà Hồ Thị Thanh Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 813/2017/TLST-HNGĐ ngày 08/8/2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 571/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Kim C, sinh năm 1977

Thường trú: khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hoàng Minh Đ, sinh năm 1973

Thường trú: Đường M, khu phố M, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Mai Thị Kim C trình bày:

Bà Mai Thị Kim C và ông Hoàng Minh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11/8/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chồng một thời gian, sau đó chuyển về nhà vợ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn trầm trọng nhất xảy ra từ năm 2013, vợ chồng thường xuyên cãi vã về vấn đề tiền bạc, con cái, lối sống. Ông Đ đã bỏ đi một thời gian dài, không cùng bà C nuôi con, những khi ông Đ có mặt ở nhà thì cũng ít có sự chia sẻ công việc gia đình và chăm sóc con. Bà C đã cố hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không được. Nay bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà C và ông Đ có 02 người con chung tên Hoàng Mai T, sinh ngày 18/12/1995 (đã trưởng thành) và Hoàng Anh T, sinh ngày 28/7/2007. Bà C yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Hoàng Anh T, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Tại Bản tự khai ngày 08/9/2017 và Biên bản hòa giải cùng ngày 08/9/2017, bị đơn ông Hoàng Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giai đoạn đi đến hôn nhân đúng như bà C trình bày, ông Đ và bà C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11/8/1999. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc. Do bà C cương quyết ly hôn nên ông Đ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà C và ông Đ có 02 người con chung tên Hoàng Mai T, sinh ngày 18/12/1995 (đã trưởng thành) và Hoàng Anh T, sinh ngày 28/7/2007. Ông Đ đồng ý giao con chung tên Hoàng Anh T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Tại Bản tự khai ngày 11/9/2017 và Biên bản hòa giải ngày 20/9/2017, ông Hoàng Minh Đ thay đổi ý kiến, ông Đ không đồng ý ly hôn với bà C, vì ông Đ còn tình cảm với bà C và muốn đoàn tụ gia đình, ông Đ yêu cầu bà C về chung sống với gia đình chồng. Trường hợp bà C không đồng ý thì ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà C, ông Đ không có ý kiến, yêu cầu gì.

Về con chung: Ông Đ đồng ý giao con chung tên Hoàng Anh T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Tại phiên tòa:

Bà Mai Thị Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà C không đồng ý về chung sống với ông Đ và gia đình ông Đ, bà C yêu cầu được ly hôn với ông Đ vì bà C nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, bà C không thể tiếp tục chung sống với ông Đ; Về con chung: Bà C và ông Đ có 02 người con chung tên Hoàng Mai T, sinh ngày 18/12/1995 (đã trưởng thành) và Hoàng Anh T, sinh ngày 28/7/2007. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Hoàng Anh T, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Hoàng Minh Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên ý kiến như tại Biên bản hòa giải ngày 20/9/2017.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Mai Thị Kim C và ông Hoàng Minh Đ.

Về con chung: Giao người con chung tên Hoàng Anh T, sinh ngày 28/7/2007 cho bà Mai Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng con chung tên Hoàng Mai T, sinh ngày 18/12/1995, đã trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Thị Kim C không yêu cầu ông Hoàng Minh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Mai Thị Kim C yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Minh Đ. Ông Đ hiện đang cư trú tại Đường M, khu phố M, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bị đơn ông Hoàng Minh Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về nội dung:

Bà Mai Thị Kim C và ông Hoàng Minh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 02 ngày 11 tháng 8 năm 1999. Do đó, căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị Kim C và ông Hoàng Minh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Mai Thị Kim C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại phiên tòa, bà Mai Thị Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý quay về sống chung với ông Hoàng Minh Đ và gia đình chồng. Bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với ông Đ vì mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng thường xuyên tranh cãi vì những mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống. Phía ông Đ cũng xác định trường hợp bà C không đồng ý về chung sống với chồng và gia đình chồng thì ông Đ cũng yêu cầu Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà C.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Mai Thị Kim C và ông Hoàng Minh Đ đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà C và ông Đ có 02 người con chung tên Hoàng Mai T, sinh ngày 18/12/1995 (đã trưởng thành) và Hoàng Anh T, sinh ngày 28/7/2007.

Căn cứ Văn bản số 1206/LĐTB ngày 18/9/2017 của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận Thủ Đức có nội dung hiện bà C là người chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Hoàng Mai T, sinh ngày 18/12/1995 (đã trưởng thành) và Hoàng Anh T, sinh ngày 28/7/2007, cư trú và làm việc tại tỉnh Bình Dương. Đồng thời, Hoàng Anh T có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Mai Thị Kim C, ông Hoàng Minh Đ cũng đồng ý giao con Hoàng Anh Thư cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao con chung tên Hoàng Anh T, sinh ngày 28/7/2007 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông Đ xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm, bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Kim C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Mai Thị Kim C và ông Hoàng Minh Đ.

- Về con chung: Giao con chung tên Hoàng Anh T, sinh ngày 28/7/2007 cho bà Mai Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng con chung tên Hoàng Mai T, sinh ngày 18/12/1995 đã trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Thị Kim C không yêu cầu ông Hoàng Minh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị Kim C và ông Hoàng Minh Đ xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Mai Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015911 ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Mai Thị Kim C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hoàng Minh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Thủ Đức, TPHCM;
- UBND phường Linh Đông, quận Thủ Đức, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Châu